TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 500/2023/DS-ST
Ngày: 27-12-2023.
V/v tranh chấp: "Chia thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nhàn**.

2. Ông **Dương Văn Siêng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Việt Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp: "Chia thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2023/QĐXXST-DS ngày 22/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 141/2023/QĐST-DS ngày 11/12/2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Trần Văn S, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện D, tỉnh L.

Đại diện theo ủy quyền: Trần Thị Kim P, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn:

- Trần Thị C, sinh năm 1947 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T.

- Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T.

- Nguyễn Thị Kiều C, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T.

*__Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan__:

- Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn S có chị Trần Thị Kim P trình bày:

Cha ông Trần Văn S tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1932, chết năm 2011 và mẹ là bà Trần Thị C. Ông L và bà C có tổng cộng 03 người con gồm: Trần Văn S, sinh năm 1969, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975, Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1978. Ông nội ông Trần Văn S tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1919, chết năm 2001. Bà nội ông Trần Văn S tên Trần Thị L, sinh năm 1912, chết năm 2006. Lúc sinh thời bà L là người xuất gia, khi chết được mang về đất chùa chôn cất, nên không có làm giấy chứng tử. Quá trình chung sống với nhau, ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị C có tạo lập được các khối tài sản chung gồm:

- Thửa đất số 1491, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.261,9m^2 loại đất lúa, tọa lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 046/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 17/12/1996 được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G đăng ký điều chỉnh diện tích ngày 26/01/2016 do bà Trần Thị C đại diện đứng tên.

- Thửa đất số 1965, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.732m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 046/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 17/12/1996 được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G đăng ký điều chỉnh diện tích ngày 26/01/2016 do bà Trần Thị C đại diện đứng tên.

- Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.028,9m^2 loại đất ở tại nông thôn và trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T. Trên phần đất này cha ông S lúc còn sống có cất 01 căn nhà có diện tích khoảng 150m^2 có kết cấu vách tường dán gạch men, nền lát gạch men, mái tôn kèo đòn tay, gỗ quy cách, có la phong.

Năm 2011, ông L chết không để lại di chúc. Do không có chổ ở nên ông S có yêu cầu được hưởng 01 phần đất là di sản của ông L chết để lại thì anh T thông báo là bà C đã sang tên toàn bộ các thửa đất trên của bà C và ông L cho anh T và bà C đứng tên. Ông Sang không hề hay biết gì về việc này, ông S là hàng thừa kế thứ nhất của ông L, việc bà C, anh T đã làm thủ tục sang tên toàn bộ các thửa đất trên cho anh T và bà C đứng tên mà không có sự đồng ý, chữ ký tên của ông S là vi phạm pháp luật về thừa kế. Sau đó qua tìm hiểu, ông S được biết vào thời điểm khoảng năm 2016, năm 2017 thì bà C, anh T và chị T đã làm thủ tục thừa kế định đoạt luôn ½ khối tài sản nêu trên là di sản của ông L chết để lại sang cho anh T và bà C đứng tên, cụ thể như sau:

+ Thửa đất số 1491 và thửa đất số 1965, tờ bản đồ số 2, với tổng diện tích 4.993,9m^2 loại đất lúa do anh Nguyễn Thanh T đứng tên, còn thửa số 83, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.028,9m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm thì bà C đứng tên ông S không hay biết. Hiện nay, thửa đất số 1491 và thửa đất số 1965, tờ bản đồ số 2, loại đất lúa nêu trên đã nhập lại và tách thành 03 thửa bao gồm:

+ Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.261,9m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 10/02/2017 cho anh Nguyễn Thanh T đứng tên.

+ Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 16, diện tích 663,4m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Thanh T đứng tên ngày 10/02/2017.

+ Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.068,6m^2, đất chuyên trồng lúa nước, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Thanh T đứng tên vào ngày 10/02/2017.

+ Đối với thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.028,9m^2, loại đất ở và trồng cây lâu năm, toạ lạc tại ấp, xã Y, huyện G, tỉnh T do Uỷ ban nhân dân huyện G cấp cho bà Trần Thị C đứng tên vào ngày 08/12/2016.

Do việc cấp đất trên, đã gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Sang là hàng thừa kế thứ nhất của ông L.

Do đó, nay ông S khởi kiện yêu cầu toà án giải quyết:

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật làm 04 phần đối với phần di sản của cha ông Sang là ông Nguyễn Văn L chết để lại cụ thể: Chia ½ diện tích của thửa đất số 1491, tờ bản dồ số 2, diện tích 3.261,9m^2 đất lúa, thửa số 1965, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.732m^2 loại đất lúa, hiện nay các thửa đất trên đã được cấp đổi lại thành các thửa đất mới là: thửa đất số 369, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.261,9m^2, thửa đất số 46, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.068,6m^2, thửa đất 45, tờ bản đồ 16, diện tích 663,4m^2 và thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.028,9m^2 loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm. Trên thửa đất số 83 có căn nhà có diện tich khoảng 150m^2 có kết cấu vách tường dán gạch men, mái tôn, có la phong gắn liền trên phần đất trên, toạ lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T.

Ông S yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị bằng tiền. Trước đây ông S yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng đất, tuy nhiên nay ông S có thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị bằng tiền.

Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ông S xin được rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông S xin rút lại yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà và tài sản trên đất nằm trên phần thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.028,9m^2 loại đất ở và đất trồng cây lâu năm.

*Bị đơn bà Trần Thị C, anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thị Kiều C vắng mặt. Bà C, anh T, chị C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa

nhưng bà C, anh T, chị C vắng mặt không đến và cũng không có ý kiến trình bày.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim T trình bày**: Ông nội tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1919, chết năm 2001. Bà nội tên Trần Thị L, sinh năm 1912, chết năm 2006. Cha tôi tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1932, chết năm 2011. Mẹ tôi là bà Trần Thị C. Cha mẹ tôi có tất cả 03 người con gồm: Trần Văn S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Kim T. Năm 2011, cha tôi chết không để lại di chúc. Trước đây, tôi không nhớ rõ thời gian thì tôi có ký tên cho mẹ tôi và anh tôi đứng tên các thửa đất do cha tôi chết để lại, tôi không nhớ rõ số thửa, tờ bản đồ và diện tích đất. Ông S lúc đó không có ký tên vào hồ sơ đất, hiện nay bà C và anh T đang quản lý tất cả đất đai của cha tôi chết để lại. Nay tôi không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông S, đề nghị tòa xử lý theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ kiện.

****Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*** Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt đã thực hiện đứng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến nên Toà án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Sang về việc chia căn nhà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra xem xét, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xác định là tranh chấp chia thừa kế theo quy định tại Điều 612, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2].Về tố tụng: Đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn chị P có đơn xin vắng mặt xét xử, Bị đơn gồm bà Trần Thị C, anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thị Kiều C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt chị P, bà C, anh T, chị C, chị T.

[3].Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn S có chị Trần Thị Kim P đại diện theo ủy quyền yêu cầu:

- Chia thừa kế theo pháp luật làm 04 phần đối với phần di sản của cha ông

S là ông Nguyễn Văn L chết để lại là: ½ diện tích của thửa đất số 369, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.261,9m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 10/02/2017 cho anh Nguyễn Thanh T đứng tên.

- Chia thừa kế theo pháp luật làm 04 phần đối với phần di sản của cha ông S là ông Nguyễn Văn L chết để lại là: ½ diện tích của thửa đất số 45, tờ bản đồ số 16, diện tích 663,4m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Thanh T đứng tên ngày 10/02/2017.

- Chia thừa kế theo pháp luật làm 04 phần đối với phần di sản của cha ông S là ông Nguyễn Văn L chết để lại là: ½ diện tích của thửa đất số 46, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.068,6m^2, đất chuyên trồng lúa nước, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Thanh T đứng tên vào ngày 10/02/2017.

- Chia thừa kế theo pháp luật làm 04 phần đối với phần di sản của cha ông S là ông Nguyễn Văn L chết để lại là: ½ diện tích của thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.028,9m^2, loại đất ở và trồng cây lâu năm, toạ lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T do Uỷ ban nhân dân huyện G cấp cho bà Trần Thị C đứng tên vào ngày 08/12/2016.

Ông S yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị bằng tiền.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông S có chị Phượng đại diện theo ủy quyền, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Qua biên bản xác minh của tòa án (Bút lục 202) thể hiện:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1932 (chết năm 2011). Cha ông Nguyễn Văn L là ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1919, mất năm 2001. Mẹ ông Nguyễn Văn L là bà Trần Thị L, sinh năm 1912 (chết năm 2006). Vợ của ông L là bà Trần Thị C, sinh năm 1947. Ông L và bà C có 03 người con ruột là:

+ Trần Văn S, sinh năm 1969. Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện D, tỉnh L.

+ Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T.

+ Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

Hiện nay bà Trần Thị C sống chung nhà với anh Nguyễn Thanh T và vợ là chị Nguyễn Thị Kiều C, sinh năm 1978 tại hộ số 219, ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T ".

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị C là vợ chồng, quá trình chung sống thì ông L và bà C có tạo lập được các tài sản chung gồm:

+ Thửa đất số 1491, tờ bản số 2, diện tích 3.261,9m^2, mục đích sử dụng đất lúa và thửa đất số 1965, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.732m^2, mục đích sử dụng đất lúa, cùng tọa lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Trần Thị C đại diện đứng tên có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 046/QSDĐ vào ngày 17/12/1996.

Năm 2011, ông Nguyễn Văn L chết. Tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/5/2016 (Bút lục 173 – 174) thì bà Trần Thị C đã làm hợp đồng

tặng cho anh Nguyễn Thanh T ½ các thửa đất số 1491 + 1965 có tổng diện tích 4.993,9m^2 tọa lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T. Tại tờ trình số: 43/TTr-UBND ngày 22/6/2016 (Bút lục 160) của Uỷ ban nhân dân xã Y tờ trình về việc chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nội dung: "Nay ông Nguyễn Văn L chết, bà Trần Thị C làm thủ tục để nhận thừa kế và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đã nêu trên".

Tuy nhiên việc bà C làm thủ tục thừa kế không có sự chứng kiến đồng ý ký tên của ông Trần Văn S thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L là không đúng quy định pháp luật về thừa kế.

Đến ngày 07/3/2016, bà Trần Thị C, anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thị Kim T đã tự làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản, mà không có chữ ký tên tham gia chứng kiến của ông Trần Văn S là hàng thừa kế thứ nhất của ông L, văn bản thoả thuận phân chia di sản có nội dung: "Di sản của ông Nguyễn Văn L để lại trong tài sản chung của ông và bà Trần Thị C là quyền sử dụng 03 thửa đất gồm thửa đất căn cứ theo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 046/QSDĐ do UBND huyện Gò Công Tây cấp ngày 17/12/1996 và đã dược chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G đăng ký điều chỉnh diện tích ngày 26/01/2016, cụ thể như sau: Thửa đất số 1491-1965, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thửa đất: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T, diện tích 4.993,90m^2, mục đích sử dụng 2L, mảnh trích đo địa chính số: 03-2016 (xã Y) cùng Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất đính kèm do văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T lập ngày 22/01/2016, cụ thể như sau: Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thửa đất: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T, diện tích 1.028,90m^2, đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm. Nội dung thỏa thuận: Phần quyền sử dụng đất trong 03 thửa đất nêu trên là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn L chết để lại. Bằng thỏa thuận này bà Nguyễn Thị Kim T đều tự nguyện nhường dứt toàn bộ và phần thừa kế của mình cho bà Trần Thị C và ông Nguyễn Thanh T, trong đó chia ra:

Bà Trần Thị C được hưởng trọn thửa 83 nêu trên.

Ông Nguyễn Thanh T hưởng trọn thửa 1491 và 1965 nêu trên".

Tại phần nội dung của văn bản thỏa thuận phân chia di sản có nêu:

"Trước khi chết ông Nguyễn Văn L không để lại di chúc hoặc bất kỳ một nghĩa vụ tài sản nào mà những người thừa kế của ông Nguyễn Văn Lễ phải thực hiện, *ông Nguyễn Văn L chỉ có vợ duy nhất là bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn L có con đẻ là Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Kim T, ngoài ra ông Nguyễn Văn L không còn ai là vợ, là con đẻ, là con nuôi nào khác* cho dù còn sống, mất tích hay đã chết. Cha mẹ đẻ của ông Nguyễn Văn L đã chết trước. Ông Nguyễn Văn L không có cha mẹ nuôi" (Bút lục 165 – bút lục 168).

Từ Biên bản xác minh cho thấy ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị C còn có một người con ruột là ông Trần Văn S, do đó việc lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản để tự định đoạt các thửa đất trên giữa bà Trần Thị C, anh

Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thị Kim T không có người được hưởng thừa kế ông Trần Văn S là không đúng quy định pháp luật về thừa kế.

Hiện nay, anh Nguyễn Thanh T đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 369, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.261,9m^2, đất chuyên trồng lúa nước, nguồn gốc sử dụng: nhận thừa kế được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp số vào sổ cấp: GCN CS04865 ngày 10/02/2017. Hiện nay, anh Nguyễn Thanh T đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 16, diện tích 663,4m^2, đất trồng cây hàng năm khác, nguồn gốc sử dụng: nhận thừa kế đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất, do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Thanh T đứng tên ngày 10/02/2017. Hiện nay, anh Nguyễn Thanh T đang đứng tên trên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.068,6m^2, đất chuyên trồng lúa nước, nguồn gốc sử dụng: Nhận thừa kế đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất, do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp có số vào sổ cấp GCN: CS 04864 ngày 10/02/2017 cấp cho anh Nguyễn Thanh T đứng tên.

Đối với thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.028,9m^2, đất ở và đất trồng cây lâu năm do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho Trần Thị C đứng tên có số vào sổ cấp GCN: CH04830 ngày 08/12/2016 có nguồn gốc do bà Trần Thị C tự đi đăng ký kê khai. Tại Tờ trình số 63/TTr-UBND của UBND xã Y có nội dung: "Ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Trần Thị C có quản lý và sử dụng phần đất ở nông thôn + cây lâu năm, thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, diện tích đo đạc thực tế là 1.028,9m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở), tọa lạc tại ấp P, xã Y. Phần đất này đã được lập bộ thuế từ quý I năm 1996 đến nay và sử dụng ổn định không tranh chấp, ông L và bà C vẫn chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông Nguyễn Văn L chết, bà Trần Thị C làm thủ tục để nhận thừa kế và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên".

Như vậy, khi ông Nguyễn Văn L chết năm 2011, thì bà C đã cùng hai người con bà C là anh T, chị T đã tự làm văn bản thỏa thuận về tài sản, bà C đã làm thủ tục tặng cho anh T các thửa đất trên không có sự đồng ý của ông Trần Văn S là sai quy định pháp luật về thừa kế, bà C đã định đoạt luôn phần tài sản của ông Nguyễn Văn L đã chết mà không có sự đồng ý của người thừa kế là ông Trần Văn S thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L là sai quy định pháp luật về thừa kế.

Do đó, chị P đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn S có yêu cầu:

+ Chia thừa kế theo pháp luật làm 04 phần đối với phần di sản của cha ông S là ông Nguyễn Văn L chết để lại là: ½ diện tích của thửa đất số 369, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.261,9m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại ấp P, xã Y,

huyện G, tỉnh T do Sở tài nguyên và môi trưởng tỉnh T cấp ngày 10/02/2017 cho anh Nguyễn Thanh T đứng tên.

+ Chia thừa kế theo pháp luật làm 04 phần đối với phần di sản của cha ông S là ông Nguyễn Văn L chết để lại là: ½ diện tích của thửa đất số 45, tờ bản đồ số 16, diện tích 663,4m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Thanh T đứng tên ngày 10/02/2017.

+ Chia thừa kế theo pháp luật làm 04 phần đối với phần di sản của cha ông S là ông Nguyễn Văn L chết để lại là: ½ diện tích của thửa đất số 46, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.068,6m^2, đất chuyên trồng lúa nước, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Thanh T đứng tên vào ngày 10/02/2017.

+ Chia thừa kế theo pháp luật làm 04 phần đối với phần di sản của cha ông S là ông Nguyễn Văn L chết để lại là: ½ diện tích của thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.028,9m^2, loại đất ở và trồng cây lâu năm, toạ lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T do Uỷ ban nhân dân huyện G cấp cho bà Trần Thị C đứng tên vào ngày 08/12/2016.

Ông S yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị bằng tiền.

Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Quá trình tòa án đã xuống nhiều lần để thực hiện các thủ tục đo đạc, thẩm định, định giá các thửa đất đang tranh chấp trên theo quy định pháp luật nhưng phía bị đơn không hợp tác, do đó Tòa án không thể đo đạc được các thửa đất đang tranh chấp trên. Tuy nhiên, chị P đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông S đã có đơn xin trích lục bản đồ địa chính từ chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G. Qua kết quả trích lục (Bút lục 193- bút lục 196), Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

[3.1]. Đối với thửa đất 369, tờ bản đồ số 16, diện tích 3.261,7m^2, diện tích thửa đất giảm 0,2m^2 là do chuyển đổi từ hệ tọa độ HN-72 sang hệ tọa độ VN - 2000 thì bà Chấp được ½ diện tích đất là 1.630,85m^2, phần của ông L trong khối tài sản chung với bà C là 1.630,85m^2 : 04 kỷ phần gồm: bà C, anh T, chị T, ông S mỗi người nhận ¼ của diện tích đất 1.630,85m^2 là 407,7125m^2. Do chị P đại diện theo ủy quyền của ông Sang yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền. Theo Biên bản định giá tài sản ngày 20/7/2023 của Tòa án (Bút lục 146 – bút lục 148) thì giá chuyển nhượng thực tế so với đất cùng vị trí đối với thửa đất số 369 khoảng 1.200.000đồng/m^2 – 1.500.000đồng/m^2, như vậy thửa đất số 369 có giá trị trung bình là 1.350.000đồng/m^2. Như vậy: 1.350.000đồng/m^2 x 407,7125m^2/01 kỷ phần = 550.411.875 đồng (Năm trăm năm mươi triệu, bốn trăm mười một ngàn, tám trăm bảy mươi lăm đồng) đối với mỗi kỷ phần. Như vậy bà C, anh T, chị T, ông S mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế của ông L (chết) để lại tương đương với số tiền là = **550.411.875 đồng** (Năm trăm năm mươi triệu, bốn trăm mười một ngàn, tám trăm bảy mươi lăm đồng).

Hiện nay, thửa đất số 369, tờ bản đồ số 16, đất chuyên trồng lúa nước, nguồn gốc sử dụng: nhận thừa kế được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp số vào sổ cấp: GCN CS04865 ngày 10/02/2017 do anh Nguyễn Thanh T đang đứng tên trên giấy chứng nhận, đang quản lý, sử dụng. Do xác định việc làm thủ tục từ

bà C tặng cho đất sang anh T không có sự đồng ý của ông S là hàng thừa kế thứ nhất của ông L (đã chết) là sai quy định nên cần buộc anh T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông S, anh T, chị T, bà C mỗi người số tiền tương đương mỗi kỷ phần thừa kế mà mỗi người được hưởng với số tiền là **550.411.875 đồng** (Năm trăm năm mươi triệu, bốn trăm mười một ngàn, tám trăm bảy mươi lăm đồng).

[3.2]. Đối với thửa đất số 1965, tờ bản đồ số 2, loại đất lúa hiện nay được tách ra thành 02 thửa gồm: thửa đất 45, tờ bản đồ 16, diện tích 663,4m^2 đất trồng cây hàng năm khác, toạ lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.068,6m^2, đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Thanh T đứng tên ngày 10/02/2017. Theo hồ sơ cấp đất thể hiện, vào ngày 16/11/2015 (Bút lục 171) thì bà Trần Thị C đã làm đơn đề nghị tách thửa đất từ thửa đất cũ 1965, tờ bản đồ số 2, loại đất lúa tách ra thành 02 thửa gồm: thửa đất số 46, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.068,6m^2, thửa đất 45, tờ bản đồ 16, diện tích 663,4m^2.

Ngày 28/5/2016, bà Trần Thị C đã làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lại cho anh T thửa đất cũ 1965 (nay là thửa 45, thửa 46).

Năm 2011, ông L chết.

[3.2.1]. Đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 16, từ bản trích đo bản đồ địa chính từ chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G thì thửa đất số 45, tờ bản đồ số 16 có diện tích là 663,4m^2 (Bút lục 194). Thì ông L là ½ diện tích thửa 45 là: ½ x 663,4m^2 = 331,7m^2, phần của bà C là 331,7m^2. Như vậy: Phần của ông L được hưởng trong khối tài sản chung của bà C là 331,7m^2 chia đều cho 04 kỷ phần gồm: bà C, ông S, anh T, chị T là hàng thừa kế thứ nhất của ông L (chết) mỗi người được nhận 01 kỷ phần thừa kế của ông L. Như vậy: 331,7m^2 : 04 kỷ phần = 82,925m^2. Theo biên bản định giá của Tòa án ngày 20/7/2023 (Bút lục 146 – bút lục 148) thì thửa đất số 45, tờ bản đồ số 16, loại đất lúa tọa lạc tại ấp P, xã Y, huyện Gò, tỉnh T có giá chuyển nhượng thực tế tại địa phương so với đất cùng vị trí khoảng 1.200.000đồng/m^2 – 1.500.000đồng/m^2. Như vậy: trung bình đất có giá trị 1.350.000đồng/m^2, như vậy: 82,925m^2/01 kỷ phần x 1.350.000đồng/m^2 = 111.948.750 đồng, tức là bà C, ông S, anh T, chị T mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế của ông L (chết) tương đương với số tiền là 111.948.750 đồng. Hiện nay anh Nguyễn Thanh T đang đứng tên, quản lý, sử dụng thửa đất số 45 nên anh T phải có nghĩa vụ phải hoàn lại giá trị cho hàng thừa kế thứ nhất của ông L gồm: bà C, ông S, anh T, chị T mỗi người 01 kỷ phần thừa kế tương đương với số tiền **111.948.750 đồng**.

[3.2.2]. Đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.068,6m^2, đất chuyên trồng lúa nước, do phía bị đơn không hợp tác nên từ trích lục bản đồ địa chính từ chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G thì thửa đất số 46, tờ bản đồ số 16, có diện tích 1.068,5m^2, diện tích của thửa đất giảm 0,1 m^2 là do làm tròn số. khi ông L chết thì bà C được ½ diện tích 1.068,5m^2 là 534,25m^2, ông L ½ là 534,25m^2. Theo biên bản định giá của Toà án ngày 20/7/2023 (Bút lục 146 – bút lục 148) thì giá chuyển nhượng thực tế so với đất cùng vị trí khoảng 1.200.000đồng/m^2 – 1.500.000 đồng/m^2, như vậy trung bình có giá trị

1.350.000đồng/m^2, như vậy hàng thừa kế thứ nhất của ông Lễ gồm: bà C, ông S, anh T, chị T mỗi người được nhận 01 kỷ phần thừa kế của ông L (chết) tương đương diện tích là 534,25m^2 : 04 = 133,5625m^2.

Như vậy: Bà Chấp, ông S, anh T, chị T mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế từ ông L (chết) có giá trị tương đương số tiền là 180.309.375đồng. Hiện nay anh Nguyễn Thanh T đang đứng tên, quản lý, sử dụng thửa đất số 46 này, do đó anh T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho hàng thứ nhất của ông L gồm: bà C, ông S, anh T, chị T hàng thừa kế thứ nhất của ông L mỗi người một kỷ phần thừa kế tương đương số tiền là 133,5625m^2/01 kỷ phần x 1.350.000đồng/m^2 = **180.309.375đồng**.

[3.3]. Đối với thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.028,9m^2 loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, toạ lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T nguồn gốc sử dụng: Nhận thừa kế, tọa lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T do Ủy ban nhân dân huyện G cấp có số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CH04830 ngày 08/12/2016 cho bà Trần Thị C đứng tên. Khi ông L chết, bà C đã tự đi kê khai toàn bộ phần diện tích đất bao gồm luôn phần ông Lễ để bà Chấp đứng tên toàn bộ thửa đất số 83 mà không có sự đồng ý của ông S là con của ông L thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L là sai quy định pháp luật về thừa kế. Do đó đối với thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, diện tích 1028,9m^2, do bị đơn không hợp tác nên theo bản trích đo bản đồ địa chính từ chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G cung cấp thì thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, có diện tích 1.028,8m^2, diện tích thửa đất giảm 0,1m^2 là do làm tròn số thì bà C dược hưởng ½ diện tích đất là 514,4m^2, ông L được hưởng ½ diện tích đất là 514,4m^2, phần ông L được hưởng chia làm 04 kỷ phần cho bà C, ông S, anh T, chị T mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế tương đương diện tích đất là 128,6m^2. Theo biên bản định giá của Tòa án ngày 20/7/2023 (Bút lục 146 – bút lục 148) thì thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T có giá chuyển nhượng thực tế tại địa phương so với đất cùng vị trí khoảng 2.000.000đồng/m^2 – 2.200.000đồng/m^2. Như vậy: trung bình đất có giá trị 2.100.000đồng/m^2, như vậy: bà C, ông S, anh T, chị T mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế tương đương với số tiền là 2.100.000đồng/m^2 x 128,6m^2/01kỷ phần = 270.060.000đồng. Hiện nay, thửa đất số 83 do bà Trần Thị C đang đứng tên trên giấy chứng nhận, bà C đang quản lý, sử dụng nên bà C phải có nghĩa vụ hoàn lại cho hàng thừa kế thứ nhất của ông L gồm: Bà C, ông S, anh T, chị T mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế của ông L (chết) tương đương với số tiền là **270.060.000đồng.**

[4]. Đối với căn nhà và tài sản nằm trên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, toạ lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T thì đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Văn S xin được rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này không yêu cầu chia. Hội đồng xét xử nhận thấy, đây là sự tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông S về việc yêu cầu chia căn nhà và tài sản nằm trên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, toạ lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T.

[5]. Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 612, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S.

1.1. Giao toàn bộ thửa đất số 369, tờ bản đồ số 16, diện tích trên giấy 3.261,9m^2 (diện tích theo trích lục bản đồ địa chính 3.261,7m^2) loại đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 522297 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp có số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS04865 cấp ngày 10/02/2017 cho anh Nguyễn Thanh T đứng tên, giao cho anh Nguyễn Thanh T được quản lý, sử dụng.

- Anh Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Trần Văn S số tiền tương đương với một kỷ phần thừa kế mà ông S được hưởng là **550.411.875 đồng** (Năm trăm năm mươi triệu, bốn trăm mười một ngàn, tám trăm bảy mươi lăm đồng).

- Anh Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Trần Thị C số tiền tương đương một kỷ phần thừa kế mà bà C được hưởng là **550.411.875 đồng** (Năm trăm năm mươi triệu, bốn trăm mười một ngàn, tám trăm bảy mươi lăm đồng).

- Anh Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền tương đương một kỷ phần thừa kế mà chị T được hưởng là **550.411.875 đồng** (Năm trăm năm mươi triệu, bốn trăm mười một ngàn, tám trăm bảy mươi lăm đồng).

1.2. Giao toàn bộ thửa đất số 45, tờ bản đồ số 16, diện tích 663,4m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY522295 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Thanh T đứng tên có số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04863 cấp ngày 10/02/2017 cho anh Nguyễn Thanh T đứng tên, giao cho anh Nguyễn Thanh T quản lý, sử dụng.

- Anh Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Trần Văn S số tiền tương đương một kỷ phần thừa kế mà ông S được hưởng là **111.948.750 đồng (Một trăm mười một triệu, chín trăm bốn mươi tám ngàn, bảy trăm năm mươi đồng).**

- Anh Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Trần Thị C số tiền tương đương một kỷ phần thừa kế mà bà C được hưởng là **111.948.750 đồng (Một**

trăm mười một triệu, chín trăm bốn mươi tám ngàn, bảy trăm năm mươi đồng).

- Anh Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền tương đương một kỷ phần thừa kế mà chị T được hưởng là **111.948.750 đồng (Một trăm mười một triệu, chín trăm bốn mươi tám ngàn, bảy trăm năm mươi đồng).**

1.3. Giao toàn bộ thửa đất số 46, tờ bản đồ số 16, diện tích trên giấy 1.068,6m^2, (diện tích theo trích lục bản đồ địa chính 1.068,5m^2) đất chuyên trồng lúa nước, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY522296 có số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CS04864 cấp ngày 10/02/2017 cấp cho anh Nguyễn Thanh T đứng tên, giao cho anh Nguyễn Thanh T quản lý, sử dụng.

- Anh Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Trần Văn S số tiền tương đương một kỷ phần thừa kế mà ông S được hưởng là **180.309.375 đồng (Một trăm tám mươi triệu, ba trăm lẻ chín ngàn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).**

- Anh Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Trần Thị C số tiền tương đương một kỷ phần thừa kế mà bà C được hưởng là **180.309.375 đồng (Một trăm tám mươi triệu, ba trăm lẻ chín ngàn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).**

- Anh Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền tương đương một kỷ phần thừa kế mà chị T được hưởng là **180.309.375 đồng (Một trăm tám mươi triệu, ba trăm lẻ chín ngàn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).**

1.4. Giao toàn bộ thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, diện tích trên giấy 1.028,9m^2, (diện tích theo trích lục bản đồ địa chính 1.028,8m^2) loại đất ở và trồng cây lâu năm, toạ lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T do Uỷ ban nhân dân huyện G cấp cho bà Trần Thị C đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM34222 , có số vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CH04830 cấp ngày 08/12/2016 cho bà Trần Thị C đứng tên, giao cho bà Trần Thị C quản lý, sử dụng.

- Bà Trần Thị C phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Trần Văn S số tiền tương đương một kỷ phần thừa kế mà ông Sang được hưởng là **270.060.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu, không trăm sáu mươi ngàn đồng).**

- Bà Trần Thị C phải có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Nguyễn Thanh T số tiền tương đương một kỷ phần thừa kế mà anh Tuyền được hưởng là **270.060.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu, không trăm sáu mươi ngàn đồng).**

- Bà Trần Thị C phải có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền tương đương một kỷ phần thừa kế mà chị T được hưởng là **270.060.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu, không trăm sáu mươi ngàn đồng).**

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả

các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

(Có trích lục bản đồ địa chính kèm theo).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S về việc yêu cầu chia căn nhà và tài sản nằm trên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 16, diện tích trên giấy 1.028,9m^2 (diện tích theo trích lục bản đồ địa chính 1.028,8m^2), loại đất ở và trồng cây lâu năm, toạ lạc tại ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T do Uỷ ban nhân dân huyện G cấp cho bà Trần Thị C đứng tên có số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04830 cấp ngày 08/12/2016.

***Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Ông Trần Văn S phải chịu số tiền là 45.381.900 đồng (Bốn mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi mốt ngàn, chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Thanh T phải chịu số tiền là 45.381.900 đồng (Bốn mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi mốt ngàn, chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu số tiền là 45.381.900 đồng (Bốn mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi mốt ngàn, chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Do bà Trần Thị C là người cao tuổi nên bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án tuyên vào lúc 17 giờ 00 phút, ngày 27/12/2023 tuyên vắng mặt chị P, bà C, anh T, chị Kiều C, chị T.

Các đương sự vắng mặt gồm: Chị P, bà C, anh T, chị Kiều C, chị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công

Tây;

- Lưu: hồ sơ, án văn.

Đặng Thị Thanh Trinh